

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục
và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT, ngày 26/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính được hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 969/TTr-SGDĐT ngày 12/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 37 thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 34 thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được công bố tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Đình Phùng

VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC THẨM QUYỀN**GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN***(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch**Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						
01	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 4632/QĐ-BGDĐT, ngày 26/10/2018 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo
02	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc				
03	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20 ngày làm việc				
04	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	25 ngày làm việc				
05	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc				
06	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	35 ngày làm việc				
07	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	25 ngày làm việc				
08	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	20 ngày làm việc				
09	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc				
10	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc				
11	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp	Không	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số
12	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc				

13	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc			ngày 21/4/2017	4632/QĐ-
14	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15 ngày làm việc				BGDĐT, ngày 26/10/2018 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc				
16	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	25 ngày làm việc				
17	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc				
18	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	20 ngày làm việc				
19	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc				
20	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc			Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
21	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT
22	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	Không quy định				
23	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non,	10 ngày làm việc				

	nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)				ngày
					25/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
24	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở	15 ngày làm việc			Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Không quy định.			Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP
26	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	15 ngày làm việc			Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT
27	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40 ngày làm việc			Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT
28	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	30 ngày làm việc			Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT
29	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập	30 ngày làm việc			
30	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định cụ thể			Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT
31	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ; Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT
32	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định			Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT
33	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	05 ngày làm việc			Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT
34	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã,	Hàng tháng			Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính

thôn đặc biệt khó khăn						
35	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	- Tại các cơ sở giáo dục công lập: 10 ngày làm việc. - Tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: 40 ngày làm việc			Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ	
36	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	65 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, cụ thể như sau: - Cấp trường: 45 ngày nhận hồ sơ, lập danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cấp xã: 10 ngày làm việc; - Cấp huyện: 10 ngày làm việc.			Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
37	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	63 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, cụ thể như sau: - Cấp trường: 45 ngày nhận hồ sơ, lập			Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC	

		danh				
		sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cấp xã: 08 ngày làm việc; - Cấp huyện: 10 ngày làm việc.				

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN BỊ BÃI BỎ

STT	Tên TTHC bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Ghi chú
1	Thành lập nhà trường, nhà trẻ	Nghị định số 135/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.	Được công bố tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ		
3	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ		
4	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ		
5	Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học		
6	Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học		
7	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học		
8	Giải thể trường tiểu học		
9	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn		
10	Giải thể Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn - UBND cấp huyện		
11	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
12	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở	nt	Được công bố tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
13	Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở		
14	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở		
15	Giải thể trường trung học cơ sở		
16	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập		
17	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở		

18	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục		Được công bố tại Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
19	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục		
20	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục		
21	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục		
22	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS		
23	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS		
24	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập		
25	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục		
26	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	nt	
27	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập		
28	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ		
29	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu		
30	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học		
31	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã		
32	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở		
33	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở		
34	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi		